

VỀ CHÙA TĨNH LỰ TRÊN DÂY NÚI THIÊN THAI

PGS. TS. NGUYỄN HỮU THÚC

Tạo hóa khéo đặt bày, giữa vùng sông nước bằng phẳng thuộc huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đột khởi một dãy núi dài, uốn lượn như hình con rồng, gồm 9 quả núi liền kề nhau, nằm bên dòng sông Thiên Đức, một nhánh của sông Hồng rót nước vào sông Lục Đầu, nay là sông Đuống, tạo cảnh quan thiên nhiên kỳ thú, người xưa gọi là núi Đông Cúu.

Sau này, đến cuối thời Trần, đầu thời Lê, Đạo giáo thần tiên ảnh hưởng mạnh vào xã hội Việt, dân gian lưu truyền truyện *Từ Thức gặp tiên*, các quán Đạo giáo ra đời, mà nổi tiếng là quán Bích Câu ở Thăng Long - Hà Nội thì núi Đông Cúu cũng được người dân gọi là núi Thiên Thai, cõi tiên, nơi người Trời ở, nơi thanh bình, yên vui.

Thiên Thai còn là địa danh, chỉ một ngọn núi thuộc huyện Thiên Thai, tỉnh Chiết Giang ở Trung Quốc, gắn với tích truyện kể về hai Nho sĩ (Lưu Thần và Nguyễn Triệu) đời Hán Minh đế, niên hiệu Vĩnh Bình (năm 58 sau Công nguyên) nhân tiết Đoan Ngọ (mùng 5 tháng 5 Âm lịch) vào núi Thiên Thai hái thuốc bị lạc lối về. Hai chàng Nho sĩ gặp các tiên nữ, chọn tiên nữ xinh đẹp, giỏi giang kết làm vợ chồng. Họ ở đó được nửa năm thì nhớ quê nhà khôn nguôi, mới bày tỏ với các tiên nữ xin trở lại cõi trần. Các tiên nữ giữ hai chàng không nổi, đành để họ về nhưng nói là không thể trở lại cõi tiên được nữa. Lưu Thần và Nguyễn Triệu ra khỏi núi Thiên Thai tìm về quê cũ thì thấy cảnh sắc đã khác xưa, dò tìm người thân mới biết họ xa nhà đã bấy đời. Hai người buồn bã trở lại núi Thiên Thai và mất dấu. Truyện *Từ Thức gặp tiên* ở nước ta cũng có cốt truyện tương tự như truyện Lưu Thần và

Nguyễn Triệu đời Hán ở Trung Quốc.

Trải qua các thời kỳ lịch sử, với công sức sáng tạo của người dân, trí tuệ của thời đại, núi Đông Cúu - Thiên Thai trở thành vùng đất "địa linh nhân kiệt", nơi xuất hiện những di tích kiến trúc lịch sử và các bậc danh nhân, thi sĩ nổi tiếng của đất nước.

Thời Trưng Nữ Vương, Hai Bà Trưng nổi dậy đánh đuổi quân Tô Định (tướng nhà Hán sang đô hộ nước ta), đất nước thanh bình được 3 năm thì nhà Hán sai Mã Viện đem quân sang đàn áp. Một tướng của Hai Bà là Doãn Công cùng vợ là Đào Nương cầm quân chống trả. Do gặp thế giặc mạnh, Đào Nương phải gieo mình xuống biển tự vẫn, giữ trọn khí tiết, còn Doãn Công phá vòng vây chạy về núi Thiên Thai và hóa ở đó. Dân làng Gủ (thôn Bảo Tháp, xã Đông Cúu) nằm ở chân núi Thiên Thai thương tiếc vợ chồng tướng tài Doãn Công - Đào Nương, đã lập miếu thờ, ghi tạc công đức, nghìn năm hương hỏa.

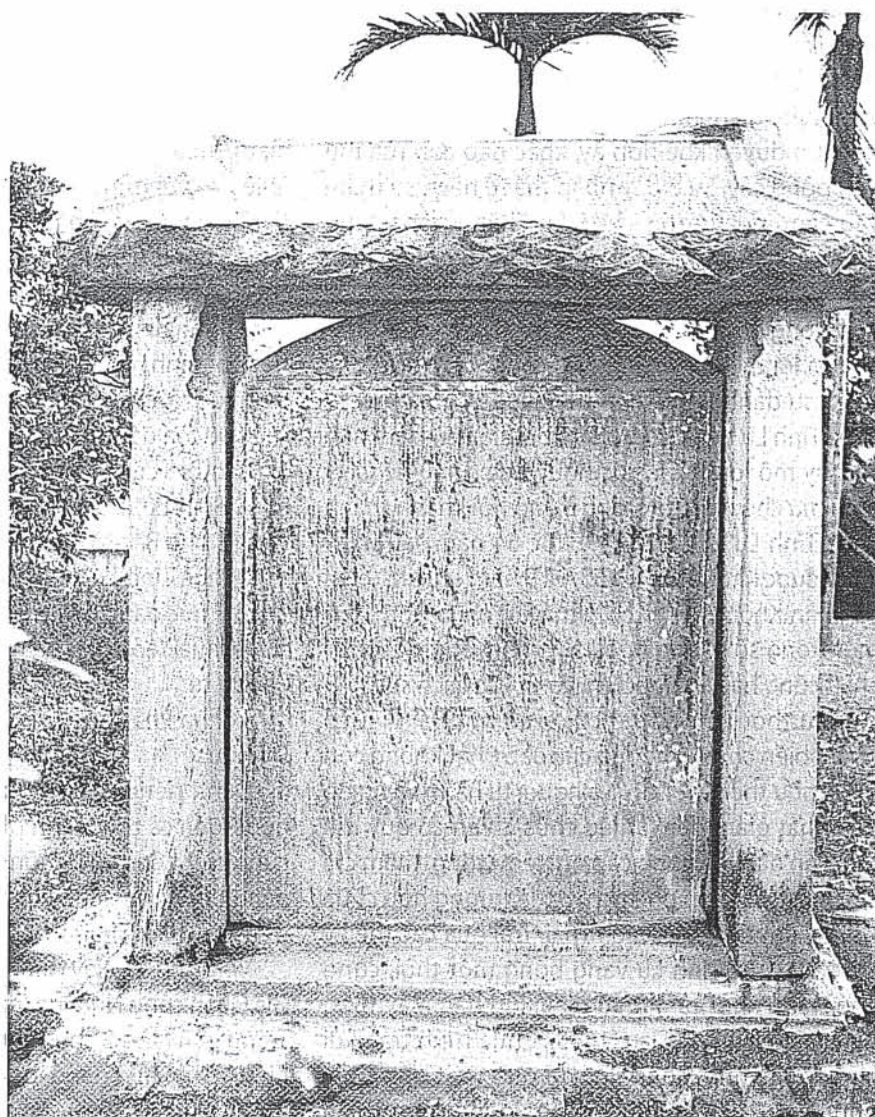
Dưới triều vua Lý Nhân Tông (1072 - 1127) cũng ở làng Gủ xưa có Lê Văn Thịnh, người đỗ đầu khoa thi Nho giáo đầu tiên (do nhà Lý tổ chức năm 1075), mở đầu chế độ khoa cử phong kiến Việt. Ông được coi là "Trạng nguyên Khai khoa". Trạng Nguyên Lê Văn Thịnh là thầy dạy vua Lý Nhân Tông suốt 10 năm. Năm 1084, ông phụng mệnh triều đình lên vùng Cao Bằng bàn nghị với Chánh sứ nhà Tống là Thành Trạc về cương giới của quốc gia, dùng mọi lý lẽ phân giải, buộc nhà Tống chấp thuận trả lại cho Đại Việt 6 huyện, 3 động thuộc châu Quảng Nguyên mà họ đã chiếm giữ trước đây. Cảm phục tài năng của Lê Văn Thịnh, nhà Tống

phong ông chức "Lang đồ các Đãi chế". Với công lao to lớn này, năm 1085, vua Lý Nhân Tông phong ông làm Thái sư, một chức quan đại thần (Tể tướng) đầu triều. Đáng tiếc năm 1095, ông vướng vào vụ án hồ Dâm Đàm, bị khép vào tội phản nghịch, đẩy đi an trí ở miệt Thao Giang. Nhiều nhà sử học cho đó là vụ án oan khuất đối với một công thần và Lê Văn Thịnh là nạn nhân của sự xung đột phe phái trong vương triều nhà Lý.

Non nước Thiên Thai thơ mộng đã thu hút vua chúa các triều đại phong kiến thăm thú và đầu tư xây dựng những công trình tín ngưỡng, tôn giáo lớn, thể hiện uy quyền của vương triều. Dưới thời Lý, chùa chiền được xây dựng nhiều, ở vị trí đẹp, có quy mô lớn. *Việt sử lược* (tác phẩm khuyết danh đời Trần thế kỷ XIV) chép, vào năm 1055, triều vua Lý Thánh Tông: "Xây chùa Đông Lâm và chùa Tĩnh Lự ở núi Đông Cứu"¹. Đây là hai chùa lớn có sự đầu tư của nhà nước. Chùa Đông Lâm nằm ở trên núi Thiên Thai, ngọn núi cao trên 100m so với mặt nước biển, được coi là đầu của con rồng đất. Chùa Tĩnh Lự nằm ở đỉnh một quả núi, hình tựa trái oản, nơi khúc uốn cong của dãy núi Thiên Thai, tục gọi là bụng rồng. Từ thời Lê - Trịnh trở về trước, dưới khúc cong đó có dòng sông Thiên Đức (sông Đuống) chảy qua. Hằng năm, vua chúa đi kinh lý về vùng Đông Bắc (Quảng Ninh) đều đi bằng thuyền, đến đoạn sông này, cảnh trí thiên nhiên thật hấp dẫn, trên là dãy núi thấp, cây cối tươi tốt, trồng rất nhiều thông và đào rừng, dưới là sông, có bến thuyền,

có chợ họp đông vui, tập nập, xóm làng ven núi trù mật, dân quê chất phác. Thật là chốn bồng lai tiên cảnh. Vào ngày mồng một, hôm rằm, dân chúng lên núi thắp hương ở chùa Đông Lâm (còn gọi là chùa Thiên Thai, xã Đông Cứu) và chùa Tĩnh Lự (còn gọi là chùa Phúc Long, xã Lăng Ngâm) thật đông vui. Trước năm 1945, hai xã Đông Cứu và Lăng Ngâm thuộc tổng Đông Cứu, huyện Gia Bình, phủ Thuận An, Bắc Ninh. Lên chùa đón nhận gió mát từ cánh đồng mênh mông, từ sông nước thổi tới, ở trên đó thiên nam, tín nữ phóng tầm mắt thấy được cảnh làng quê nằm hai bên dãy núi Thiên Thai. Và, nhìn xa nữa, có thể thấy cả biển Đông, với dáng núi nhấp nhô tựa như chim loan, phượng. Dân ca quan họ Bắc Ninh còn truyền câu hát:

*Trèo lên trên núi Thiên Thai
Thấy chim loan, phượng ăn xoài bể Đông.*



Nhà bia chùa Tĩnh Lự - Ảnh: Tác giả

Trong hai chùa Đông Lâm và Tĩnh Lự thì chùa Tĩnh Lự có vị thế thuận lợi hơn. Chùa nằm trên đỉnh ngọn núi Yên Sơn, có độ cao vừa phải, giữa vùng dân cư đông đúc, có bến thuyền, có chợ họp, đường đi, lối lại dễ dàng. Dân chúng quanh dãy núi Thiên Thai tụ họp ở chợ này và xuống bến đi thuyền đến các xã ở vùng Kinh Bắc.

Nơi đây một thời là chốn tu hành, truyền giảng kinh Phật, lưu danh tích của các thiền sư nổi tiếng thời Lý. Đó là thiền sư Thảo Nhất, tổ thế hệ thứ 15 của Thiền phái Tỳ ni đa lưu chi, còn gọi là dòng Thiền Nam phương. Đến nay, chưa rõ năm sinh và năm mất của thiền sư Thảo Nhất, qua các tài liệu về thiền sư Việt Nam biết rằng: Tổ đã truyền pháp cho đệ tử là tổ Chân Không ở thế hệ thứ 16 của dòng Thiền này.

Thiền sư Chân Không (1045 - 1100), họ Vương, tục danh Hải Thiêm, quê làng Phù Đồng, huyện Tiên Du, Bắc Ninh. Sách *Thiền sư Việt Nam* chép rằng: "Sư đến pháp hội chùa Tĩnh Lự, núi Đông Cứu nghe giảng kinh Pháp Hoa, thoát nhiên tỉnh ngộ. Cơ duyên khế hợp ấy, khác nào con rùa mù gặp bông cây. Sư ở đây nhập thất 6 năm, sự tham vấn càng ngày càng sâu"². Sư Chân Không từng được vua Lý Nhân Tông nghe danh, xuống chiếu mời về kinh đô giảng kinh Pháp Hoa, Ngài được vua trọng vọng.

Với lợi thế danh thắng, lại là nơi trụ trì của các thiền sư danh tiếng, đến triều vua Lý Nhân Tông, chùa Tĩnh Lự tiếp tục được đầu tư tiền của làm mới có quy mô lớn, kiến trúc nguy nga. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép rằng: "Tháng 5, mở hội khánh thành chùa Tĩnh Lự"³ (năm 1119), tức 64 năm sau ngày chùa được khởi dựng (1055) và 9 năm sau khi thiền sư Chân Không viên tịch. Như vậy, chùa Tĩnh Lự là một trong số những ngôi chùa nổi tiếng ở thời Lý, chỉ ít cũng hai lần được ghi danh vào sách sử.

Sau thời Trần đến thời Lê, xã hội Đại Việt có nhiều biến cố, ảnh hưởng của đạo Phật không còn được như thời Lý - Trần. Số người tu hành và tín đồ đạo Phật giảm dần, nhiều chùa chiền có quy mô lớn, dần dần bị xuống cấp nghiêm trọng, thậm chí có chùa trở thành phế tích. Đó là trường hợp chùa Đông Lâm trên núi Thiên Thai. Trải qua các thế kỷ XV, XVI, chùa Tĩnh Lự vang bóng một thời, cũng khó tránh khỏi cảnh tiêu điều, hiu hắt. May thay, mùa Đông năm Ất Dậu (1645), Chúa Trịnh Tráng đi kinh lược vùng Đông Bắc để quan sát dân tình. Chúa đi tuần bằng thuyền theo dòng sông Thiên

Đức tới vùng chân núi Thiên Thai, gặp cảnh sông nước, núi non hữu tình, lại thấy chùa trên núi, chúa cảm kích liền hỏi ngọn ngành sự tích. Quan thị ngự là Đô đốc Gia Quận công Nguyễn Công Hiệp, người làng Đại Bái cùng huyện tâu lại cận kề sự tình và xin chúa ban phúc cho xây lại chùa Tĩnh Lự, chúa chuẩn tấu, cho xuất 300 lạng bạc, giao Đô đốc Gia Quận công Nguyễn Công Hiệp lo việc kiến thiết.

Các bậc công khanh đại thần trong vương triều vua Lê - Chúa Trịnh theo gương chúa bỏ tiền công đức, làm phúc xây dựng chùa: Thái thượng hoàng Lê Duy Kỳ 100 lạng bạc, Hoàng hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc 40 lạng bạc, Trịnh Tạc 50 lạng bạc, Trịnh Lệ 30 lạng bạc... Đô đốc Gia Quận công Nguyễn Công Hiệp xuất thêm tiền của của nhà để tân tạo. Ông chọn kiểu chùa đẹp trong nước làm mẫu, triệu các thợ giỏi khắp vùng về xây dựng. Nhân dân vùng núi Thiên Thai cúng tiến gạo, tiền và góp ngày công làm chùa không sao kể xiết.

Sau 3 năm khẩn trương xây dựng, đến năm 1648, chùa hoàn thành. Bia đá ở chùa Tĩnh Lự cho biết: "Chùa làm theo hướng cũ, rộng và dài, to hơn nhiều so với trước. Tiền đường có 4 cửa cao, rộng, tả hữu có dãy hành lang, thêm ngoài và cột bao quanh bằng đá, giữa chùa có lối lên kê đá. Ngoài chùa có bia đá lớn đặt trong nhà đá 4 chân cột, kết cấu chống diêm 8 mái cũng bằng đá. Nội tự có tòa sen óng ánh, trong Tam bảo có bức họa sen chín tầng rực rỡ, chạm khắc tượng Đức Phật giảng lâm và 3000 tòa đặt tượng La Hán lung linh".

Văn bia cũng cho biết, sau khi khánh thành, chùa Tĩnh Lự là một trong ba đại danh thắng ở vùng Đông Bắc tổ quốc, đó là:

- Chùa Tĩnh Lự trên núi Đông Cứu, được gọi là Thiên Phúc danh sơn thắng tự.
- Chùa Yên Tử, huyện Đông Triều, được gọi là Phong tự.
- Chùa Phả Lại, huyện Quế Dương, được gọi là Đình tự.

Danh tiếng chùa Tĩnh Lự lan truyền trong cả nước, đến cả triều đình phương Bắc (Trung Quốc) cũng biết tiếng và ngưỡng mộ về quy mô tráng lệ, dáng độ uy nghiêm, dài rộng trăm gian của chùa trên núi Thiên Thai.

Với công lao xây dựng lại chùa Tĩnh Lự, Đô đốc Gia Quận công Nguyễn Công Hiệp được chúa Trịnh Tráng ban tặng 8 chữ "Quốc chi trung thần, gia chi hiếu tử" (xứng đáng bậc thần trung của nước, người con có hiếu trong gia đình).

Bấy giờ, chúa Trịnh Tráng lấy chùa Tĩnh Lự là một trong những hành cung nghỉ ngơi khi đi du ngoạn, an trí tuổi già. Do vậy, dân gian gọi quần thể chùa Tĩnh Lự là chùa Phúc Long, cung Phúc Long của chúa Trịnh, gọi tắt là phủ chúa Trịnh và núi Yên Sơn dựng chùa Tĩnh Lự, gọi là núi Phủ. Sau này, dưới triều vua Lê Dụ Tông, niên hiệu Vĩnh Thịnh, các chúa Trịnh Căn, Trịnh Cương còn cho sửa lại cung cũ, "quang cảnh cực kỳ xa hoa, tráng lệ"⁴ (Phan Huy Chú) làm nơi các chúa đi tuần du nghỉ chân ở đấy. Sách *Đại Nam nhất thống chí* do các sử quan triều Nguyễn biên soạn, chép rằng: "Cung cũ Phúc Long ở trên núi Thiên Thai, huyện Gia Bình, sửa lại vào thời Lê Vĩnh Thịnh (1705 - 1719), nay vẫn còn nền cũ"⁵; và "Chùa Phúc Long ở xã Lăng Ngâm, huyện Gia Bình, dựng từ năm Phúc Thái thứ 6 đời Lê Chân Tông, đến đời Vĩnh Thịnh sửa lại..."⁶.

Thời thế thay đổi, sự sụp đổ của vương triều Lê-Trịnh dẫn đến các thế kỷ sau đó, chùa Tĩnh Lự - phủ chúa Trịnh bị xuống cấp nghiêm trọng, hiện vật bị thất tán. Duy có nhà bia, do được làm bằng đá phiến, nên được giữ gìn đến hôm nay. Bia cao 1,72m, rộng 1,12m, trên có mái đá che và 2 phiến đá làm vách ngăn đỡ mái. Nhà bia - từ nền đá lên đến nóc cao 2,2m, dài 1,90m và rộng 1,16m. Đây là một di tích nhà bia độc đáo. Trán bia đá có hàng chữ "Tĩnh Lự thiên tự bi". Nội dung văn bia nói về việc Đại Nguyên soái Thống quốc chính Trịnh Tráng chủ trương cho trùng tu chùa Tĩnh Lự với quy mô to lớn hơn và Đô đốc Gia Quận công Nguyễn Công Hiệp được giao chủ trì kiến thiết chùa. Mặt sau của bia ghi chép việc các công khanh, đại thần dưới triều Lê - Trịnh và thiện nam, tín nữ trong nước có lòng hảo tâm công đức tiền bạc xây chùa.

Bia làm vào năm thứ 6, niên hiệu Phúc Thái (1648), đời vua Lê Chân Tông. Người soạn bài văn bia là tiến sĩ Nguyễn Duy Thì (1572 - 1652), người xã Yên Lăng, huyện Yên Lăng (Vĩnh Phúc), từng giữ chức Lục bộ Thượng thư, kiêm Trưởng Lục bộ, Tế tửu Quốc tử Giám, coi viện Hàn lâm, tước Tuyên Quận công, Thái phó. Nhà sử học Phan Huy Chú xếp ông vào hàng 39 vị phủ tá, có công lao tài đức của nhà Lê Trung Hưng.

Đáng chú ý là, mặt ngoài của hai phiến đá làm vách nhà bia có chạm khắc cảnh sinh hoạt của con người. Phiến đá đầu đốc phía Nam cao 1,72m, rộng 0,71m, trong đó có bức chạm nổi cao 1,40m, rộng

0,51m thể hiện hình tượng một lão ông phương phi, béo tốt, nằm nghiêng, trước mặt là một người mặc áo cổ tròn, có phù hiệu vuông, ở tư thế quỳ, khoanh tay trước ngực kính cẩn. Phía ngoài là một người đứng bên mình ngựa, tay giữ cương. Ngồi cạnh lão ông có một phụ nữ gương mặt quý phái, ngồi xếp bằng, tay phải cầm quạt, đang quạt mát cho lão ông và tay trái đặt lên tay lão ông. Cạnh lão ông ở phía bên kia là một người hầu nam đang quỳ dâng một khay đựng ấm trà và chén uống nước. Phía trên chiếm tới ba phần tư bức chạm khắc này là hình tượng một con chim phượng, đang âu yếm chạm mỏ vào đầu rồng và phía dưới miệng rồng là đầu một con rồng con. Cạnh rìa bia bên trái (trong nhìn ra) có khắc hàng chữ Hán "Văn Vương cầu hiền" và rìa bên phải cũng có hàng chữ Hán nhưng đã bị mờ.

Phiến đá đầu đốc phía Bắc có kích cỡ tương tự phiến đá đầu đốc phía Nam, cũng thể hiện hình tượng một ông lão ở tư thế ngồi, cạnh ghế ngồi là một con nai nằm thanh thản. Lão ông tiếp kiến ba người, đầu đội mũ. Một người ở tư thế quỳ. Phía sau người ấy có hai người đứng liền nhau, mặc áo dài chấm gót, cổ áo vát chéo trước ngực, tay áo thụng. Phía trên của bức chạm là hình tượng một con rồng lớn, điểm hoa văn mây, chiếm tới ba phần tư bức chạm đá...

Chùa Tĩnh Lự từng là hành cung của chúa Trịnh Tráng. Lúc xây dựng chùa, chúa Trịnh Tráng 70 tuổi và khi hoàn thành, chúa đã 73 tuổi. Đương thời, chúa Trịnh Tráng được vua Lê ban tước hiệu Văn công Cao nhân Thánh thành vương, miếu hiệu là Văn tổ Nghị vương, có thể từ *Văn Vương* trong hàng chữ "Văn Vương cầu hiền" là từ viết tắt tước hiệu Văn công Cao nhân Thánh thành vương. Nếu đúng là vậy thì hai bức chạm khắc ở hai đầu đốc nhà bia liên quan đến cảnh sinh hoạt của nhà chúa. Hình tượng lão ông là chúa Trịnh Tráng, cô gái cầm quạt là vợ hoặc hầu gái của chúa, những người đến tiếp kiến, tùy vào cách ăn mặc mà ta biết họ là quan văn hay quan võ đến ra mắt chúa theo lời cầu hiền hoặc quan lại tới thỉnh xin ý kiến của chúa Trịnh Tráng. Đây là hai bức tranh nghệ thuật điêu khắc đá có giá trị phản ánh cách sinh hoạt, lối trang phục của xã hội phong kiến thời Lê - Trịnh ở thế kỷ XVII.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã ra Quyết định số 282-QĐCT, ngày 18/3/2002, cấp bằng xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa: Bia đá chùa Tĩnh Lự,

thôn An Quang, xã Lăng Ngâm, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Mặc mọi biến cố của thời cuộc, chính quyền thôn và dân làng An Quang, xã Lăng Ngâm vẫn hằng tâm, hằng sản tái thiết chùa Tĩnh Lự với quy mô khiêm tốn trên nền xưa của phủ chúa Trịnh và nâng niu giữ gìn từng hiện vật còn sót lại, nhất là nhà bia, ghi dấu ấn một thời vàng son của chùa Tĩnh Lự. Hằng năm, dân làng vẫn tổ chức lễ hội chùa Tĩnh Lự vào ngày mồng Một tháng 11 Âm lịch - ngày viên tịch của tổ sư Chân Không, thu hút đông đảo dân chúng và Phật tử quanh vùng về dự. Không khí lễ hội ở các nơi thờ tự trên núi Thiên Thai đã tạo nguồn cảm hứng để thi sĩ Hoàng Cầm, quê Kinh Bắc, viết lên bài thơ nổi tiếng - "Bên kia sông Đuống":

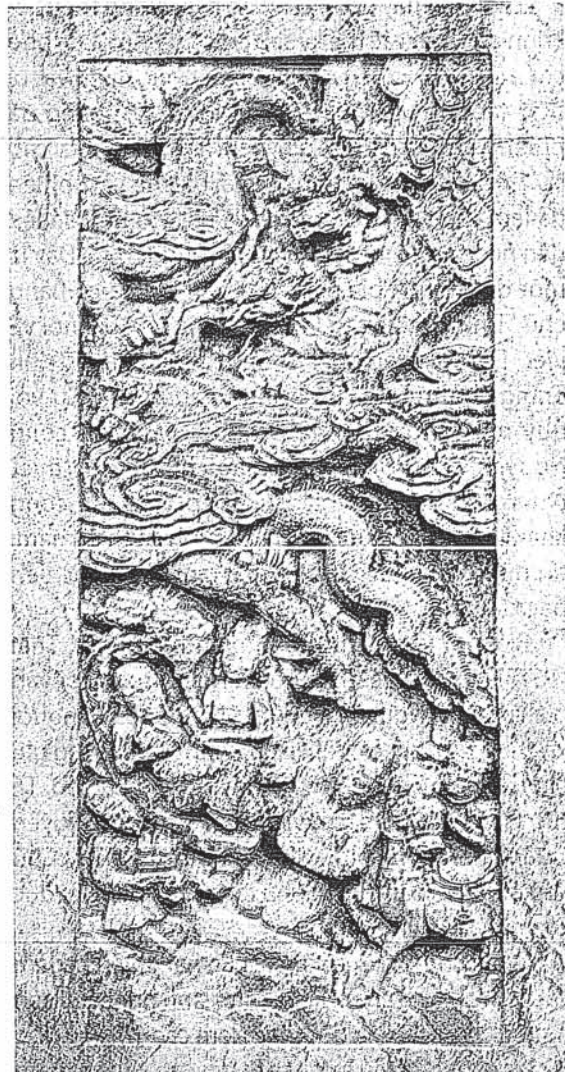
"Ai về bên kia sông Đuống

Cho ta gửi tấm the đen
Mấy trăm năm thấp thoáng mộng bình yên
Những hội hè đình đám
Trên núi Thiên Thai
Trong chùa Bút Tháp..." ■

N.H.T

Chú thích:

- 1- *Việt sử lược* (tác phẩm khuyết danh, đời Trần thế kỷ XIV), Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, Nxb. Văn sử địa, Hà Nội, 1960, tr. 95.
- 2- Thích Thanh Từ, *Thiền sư Việt Nam*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, 1999, tr. 168.
- 3- *Đại Việt sử ký toàn thư* (toàn tập), Nxb. Văn học, Hà Nội, tr. 211.
- 4- Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, 1972, tr. 252.
- 5- Viện Sử học, *Đại Nam nhất thống chí*, tập IV, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 88.
- 6- Viện Sử học, *Đại Nam nhất thống chí*, tập IV, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 111.



Tích truyện chạm trên bia chùa Tĩnh Lự - Ảnh: Tác giả